



Original Article

Community-based Sustainable Development Management Model in Vietnam - Experience from the Village Self-governance Model of Vietnamese People in History

Dang Thi Anh Tuyet, Hoang Thi Quyen*

Ho Chi Minh National Academy of Politics, 135 Nguyen Phong Sac, Nghia Tan, Hanoi, Vietnam

Received 06 May 2020

Revised 05 June 2020; Accepted 15 June 2020

Abstract: Along with the economic growth and development, people are facing challenges such as: the exhaustion of non-renewable resources, the natural environment is seriously destroyed, ecological balance is broken. Ensuring basic human rights is difficult because economic growth is not always accompanied by social progress and justice. Therefore, since the 1980s, "sustainable development" has become a strategy, that is mentioned by many countries and international organizations. Sustainable development is a relatively broad concept that covers all aspects and aspects of life, so sustainable development management requires the participation of many actors from state management institutions. to non-state institutions. This article focuses on answering two main questions: 1) Why is it necessary to build a community-based sustainable development management model? 2) What values can we inherit and promote from the Vietnamese tradition of self-governance in building community-based sustainable development management models in the current context?

Keywords: Sustainable development; Community-based sustainable development management; Self-government of villages.

*Corresponding author.

Email address: hoangquyenhv4@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1116/vnupam.4233>

Mô hình quản lý phát triển bền vững dựa vào cộng đồng ở nước ta hiện nay - Kinh nghiệm từ mô hình tự quản làng xã của người Việt trong lịch sử

Đặng Thị Ánh Tuyết, Hoàng Thị Quyên

Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 135 Nguyễn Phong Sắc, Nghĩa Tân, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 06 tháng 5 năm 2020

Chỉnh sửa ngày 05 tháng 6 năm 2020; Chấp nhận đăng ngày 15 tháng 6 năm 2020

Tóm tắt: Cùng với sự tăng trưởng và phát triển kinh tế con người đang đứng trước những thách thức liên quan đến cạn kiệt các nguồn tài nguyên không tái tạo, môi trường thiên nhiên bị hủy hoại một cách nghiêm trọng, cân bằng sinh thái bị phá vỡ. Việc đảm bảo các quyền cơ bản của con người gặp nhiều khó khăn bởi không phải lúc nào tăng trưởng kinh tế cũng đi liền với tiến bộ và công bằng xã hội. Chính vì vậy ngay từ những năm 1980 “phát triển bền vững” (sustainable development) đã trở thành một chiến lược được nhiều quốc gia và tổ chức quốc tế đề cập đến. Tuy nhiên phát triển bền vững là một khái niệm có nội hàm tương đối rộng bao phủ mọi lĩnh vực và khía cạnh của cuộc sống do đó quản lý phát triển bền vững đòi hỏi sự tham gia của nhiều chủ thể từ các thiết chế quản lý nhà nước cho đến các thiết chế phi nhà nước. Bài viết này tập trung trả lời hai câu hỏi chính: 1) Tại sao cần phải xây dựng mô hình quản lý phát triển bền vững dựa vào cộng đồng? 2) Chúng ta có thể kế thừa và phát huy những giá trị gì từ truyền thống tự quản làng xã của người Việt để xây dựng mô hình quản lý phát triển bền vững dựa vào cộng đồng trong bối cảnh hiện nay?

Từ khóa: Phát triển bền vững, Quản lý phát triển bền vững dựa vào cộng đồng, Tự quản làng xã.

1. Quản lý phát triển bền vững và sự cần thiết sự tham gia của cộng đồng

Cho đến nay khi con người ngày càng ý thức rõ hơn về ý nghĩa và tầm quan trọng của môi trường tự nhiên, môi trường xã hội thì nội hàm của khái niệm “phát triển bền vững” cũng không ngừng được mở rộng. Các nhà nghiên cứu trên thế giới đã dành nhiều thời gian cho việc phát triển các quan điểm về “phát triển bền vững” và “quản lý phát triển bền vững”. Cho đến nay có nhiều cách tiếp cận khác nhau về phát triển bền vững, nhiều người coi phát triển bền vững là một mục tiêu cao đẹp của sự phát triển, nhiều người

xác định đây là một phương thức phát triển tổng hợp đa ngành, liên ngành, hay là một chương trình hành động với các tiêu chí rõ ràng và cụ thể. [1] Dù có nhiều cách tiếp cận và tiêu chí đo lường khác nhau, hầu hết các nhà nghiên cứu đều thống nhất với nguyên tắc coi phát triển bền vững là mô hình phát triển với “ba thế chân kiềng”: kinh tế, xã hội, môi trường. Theo đó phát triển bền vững là một tiến trình phát triển đảm bảo: kinh tế tăng trưởng bền vững, xã hội thịnh vượng, công bằng, ổn định, văn hóa đa dạng và môi trường được trong lành, tài nguyên được duy trì bền vững. Rõ ràng phát triển bền vững dựa trên một loạt các yêu cầu, trong đó có các nhu

*Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: hoangquyenhv4@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1116/vnupam.4233>

cầu về nhân khẩu học, như: tiếp cận với nước, giáo dục, y tế, việc làm, chống đói nghèo, suy dinh dưỡng của thể hệ hiện tại và tương lai. Nó cũng đề cập đến việc tôn trọng các quyền và tự do cơ bản, thúc đẩy các dạng năng lượng tái tạo mới như gió, mặt trời, năng lượng địa nhiệt đồng thời phải thu hẹp khoảng cách giữa các nước giàu và nghèo [2]. Nội hàm của khái niệm phát triển bền vững tương đối rộng và bao trùm lên mọi khía cạnh, lĩnh vực của đời sống, vì vậy Liliana Nitu cho rằng một hệ thống quản lý được thiết kế để phát triển bền vững cần phải thực hiện chuỗi hoạt động bao gồm lập kế hoạch – thực hiện – kiểm tra – hành động. Các hoạt động này cần được mở rộng để bao quát phạm vi và quy trình cần thiết nhằm giải quyết các vấn đề bền vững. Theo đó quản lý phát triển bền vững đòi hỏi sự tham gia của nhiều nhóm chủ thể trong đó mỗi tổ chức là một phần của toàn bộ hệ thống ở các cấp độ khác nhau như khu vực, quốc gia và quốc tế, các tổ chức này phải đi theo cùng một hướng mà toàn bộ hệ thống đang di chuyển [3].

Cho đến nay có nhiều mô hình lý thuyết đã được đề xuất để khẳng định sự tham gia của các nhóm chủ thể vào quản lý phát triển bền vững. Các học giả chỉ ra rằng phát triển bền vững là sản phẩm của một tập hợp các biến đổi trong đó có việc khai thác tài nguyên thiên nhiên, lựa chọn loại hình đầu tư, định hướng sửa đổi công nghệ và thể chế phù hợp với nhu cầu hiện tại và tương lai. Theo đó các mục tiêu phát triển bền vững chỉ có thể đạt được khi có sự tham gia của cá nhân, các công ty, tổ chức nhà nước ở mọi cấp độ từ hộ gia đình, cộng đồng, quốc gia cho đến cấp độ toàn cầu. Sự đồng thuận của tất cả những người tham gia trong xã hội như các công ty thuộc khu vực tư nhân và công cộng, hiệp hội, tổ chức phi chính phủ, đoàn thể và công dân đóng vai trò quan trọng [2].

Từ năm 1990, Elinor Ostrom nhà kinh tế học đã chứng minh rằng tài nguyên công cộng dù được quản lý dưới dạng “tài sản quốc dân” hay ngay cả dưới dạng “cổ phần hóa” cũng đều được quản lý kém do rơi vào cảnh “cha chung không ai khóc”. Trong tác phẩm *Governing the commons: The evolution of institutions for collective action* (1990), Elinor Ostrom đã khẳng

định: “Chính những người sử dụng tài nguyên sẽ định ra cơ chế sử dụng sao cho tài nguyên ấy đem lại lợi ích khả dĩ chấp nhận được cho mọi người; ngược lại, các quy định quản lý của nhà nước thường trở nên phân tán do lẽ nhà nước trung ương xa xôi với thực tế địa phương và cũng chẳng còn mấy uy lực ở cơ sở”. Ostrom đã cho thấy những can thiệp của nhà nước nhiều khi lại gây ra sự tan tác thay vì tạo nên trật tự. [4] Chính vì vậy lý thuyết quản lý dựa vào cộng đồng, quản lý có sự tham gia của các tổ chức xã hội được phát triển và áp dụng một cách rộng rãi tại nhiều quốc gia, khu vực. Ngân hàng Thế giới cũng cho rằng muốn cải thiện tính hiệu quả của nhà nước, cần phải dựa vào sức mạnh tương đối của thị trường và xã hội dân sự [5]. Theo Chương trình phát triển Liên hợp quốc để quản lý xã hội tiêu chí quản trị tốt nhằm hướng đến mục tiêu thúc đẩy, bảo đảm sự phát triển hài hòa của quốc gia, chủ thể tham gia vào quản lý xã hội cần có sự tham gia ngày càng lớn của người dân. Ngân hàng Thế giới xác định tiêu chí cơ bản đánh giá mô hình quản trị tốt là sự tham gia của xã hội công dân [6].

2. Những giá trị có thể kế thừa và phát triển từ mô hình tự quản làng xã của người Việt trong lịch sử

Tự quản cộng đồng được coi như một quá trình, một hiện tượng xã hội khách quan nảy sinh trong quá trình tự tổ chức sống của các chủ thể hành động xã hội. Khái niệm tự quản cộng đồng có thể được hiểu dưới nhiều góc độ khác nhau nhưng cách hiểu chung nhất đó chính là việc các cộng đồng tự tổ chức công việc liên quan đến đời sống của mình.

Đối với người Việt, đặc biệt là người dân vùng đồng bằng châu thổ Sông Hồng trước đây thì làng là một đơn vị tự quản. Theo Tổng Văn Chung, “Làng xã là một cộng đồng tự quản, làng xã giải quyết các tranh chấp của các thành viên trong cộng đồng, áp dụng thuế của nhà nước lên các thành viên này. Nhà nước không thương lượng với các công dân mà là với làng xã và làng xã một khi đã làm tròn nghĩa vụ đối với nhà nước

thì có quyền quản lý lại chính mình theo phương thức tự trị” [7, p. 288]. Tự quản cộng đồng là đặc trưng cơ bản của làng xã Việt Nam. Đặc trưng này được biểu hiện dưới hai góc độ chính: 1) Là sự độc lập tương đối trong mối quan hệ giữa làng với làng. Trong mối quan hệ này mỗi làng dường như là một cộng đồng độc lập, làng không chỉ có địa vực riêng mà còn có một tín ngưỡng, luật lệ riêng và nhiều nét văn hóa khác biệt [8]. 2) Sự độc lập tương đối của làng xã so với chính quyền nhà nước phong kiến trung ương. Các tài liệu nghiên cứu về làng xã Việt Nam trong lịch sử đều ghi lại rằng làng xã là một đơn vị tự quản, các làng không chỉ tồn tại biệt lập với nhau mà còn tồn tại một cách độc lập so với triều đình phong kiến. Theo Đào Duy Anh: “mỗi xã thôn là một đoàn thể tự trị ở trong phạm vi quốc gia, đối với nhà nước chỉ cần làm trọn nghĩa vụ nộp sưu thuế, làm giao dịch ngoài ra có thể tự do xử trí công việc trong làng, Nhà nước không can thiệp đến.” [9, p.151] Điều này cho thấy tính độc lập tương đối cao của làng xã so với triều đình phong kiến trung ương.

Trải qua biết bao thăng trầm của lịch sử, những năm Bắc thuộc giặc phương Bắc luôn muốn vươn xuống tận cơ sở để nắm lấy và sử dụng làng Việt truyền thống như một công cụ phục vụ cho mưu đồ thống trị và đồng hoá của chúng. Sau khi giành được độc lập, các triều đình phong kiến Việt Nam luôn tìm cách nắm giữ bộ máy xã thôn, kể cả người Pháp sau này khi xâm chiếm Việt Nam cũng đã dùng chính sách “Cải lương hương chính” hòng nắm lấy bộ máy cai quản của làng xã nhưng tất cả những cố gắng đó đều thất bại. Làng xã Việt Nam vẫn là một đơn vị tự trị. Tính tự quản của làng xã được nuôi dưỡng và củng cố và phát triển dựa trên hai cơ sở chính:

Thứ nhất, nó bắt nguồn từ lịch sử hình thành làng xã. Ở mọi nơi trên trái đất làng luôn là cộng đồng cộng cư của cư dân sinh sống ở khu vực nông thôn. Tuy nhiên, quá trình hình thành của cộng đồng này lại rất khác nhau ở các quốc gia khác nhau. Các làng của Người Đức được hình thành trong quá trình phân hóa của thị tộc và bộ lạc, các làng của người Pháp là sự tập hợp dân cư dưới sự bảo hộ của những thủ lĩnh quân

sự [7, p.314]. Trên đất nước ta, “Làng là một tế bào sống của xã hội Việt Nam, là sản phẩm tự nhiên tiết ra từ quá trình định cư và cộng cư của người Việt trồng trọt” [7, p.332]. Làng hình thành trên hai nguyên lý: cùng cội nguồn và cùng chỗ ở. Sự khác biệt trong quá trình hình thành khiến cho làng Việt có những đặc trưng riêng của mình. Theo tác giả Đào Duy Anh, làng là một đơn vị cộng cư của người Việt được hình thành trong quá trình chung sống và khai khẩn đất hoang. “Buổi đầu thì có lẽ một số ít nhiều gia tộc cùng ở trong một khoảng đất để canh khẩn làm ăn rồi tổ chức thành đoàn thể đối phó với quốc gia tức là làng hay xã thôn” [9, p.148] Cũng theo cách viết của tác giả, làng cũng là một đơn vị hành chính mà nhà nước phải dựa vào đó để giao dịch với người dân. Ví dụ: “Đối với nhà nước thì Xã, Thôn là một đơn vị về việc công nhà nước chỉ biết toàn xã chứ không biết từng người. Như việc sưu thuế, nhà nước bỏ cho mỗi làng một số nhất định, rồi làng lo phân bổ cho dân theo cách nào cũng được, miễn là thu đủ và nộp vào kho”. [9, p.148] Cùng quan điểm với tác giả Đào Duy Anh, nhiều tài liệu nghiên cứu khác cũng chỉ ra rằng: “Làng xưa cũng là một đơn vị làm nghĩa vụ với nhà nước: làng là nơi thực hiện những chính sách mà nhà nước giao xuống là người giao dịch với nhà nước thay cho các thành viên của mình. Khi làm tròn bổn phận với nhà nước, làng tổ chức hoạt động của làng theo cách riêng của mình” [7, p.310]. Mặt khác, “Làng có một hội đồng làng bao gồm những người có chức vụ, phẩm hàm. Đây là cơ quan điều hành công việc chung của làng xã. Như vậy, rõ ràng “làng trong lịch sử được sử dụng như một đơn vị hành chính cơ sở mà nhà nước phải dựa vào nó” [10, p.150].

Thứ hai, chế độ quân điền. Một trong những đặc điểm căn bản của làng Việt cổ truyền đó chính là cộng đồng kinh tế chung. Ở đó đa phần cư dân nông thôn sinh sống bằng nghề nông nghiệp theo kiểu tự cấp, tự túc. Trong làng cũng có những nghề phụ, nghề thủ công nhưng những người làm nghề thủ công cũng không thoát ly khỏi nông nghiệp hoặc có thoát ly thì họ cũng tổ chức thành phường hội theo đơn vị làng. Những bí truyền trong nghề được giữ bí mật cho làng [7, p.295]. Chính những đặc điểm về nghề nghiệp và

quy tắc sản xuất này làm cho làng trở thành đơn vị kinh tế khép kín.

Cơ sở để làng có thể duy trì cộng đồng kinh tế khép kín này chính là vấn đề sở hữu đất đai chung của làng. Đất đai là tư liệu sản xuất căn bản nhất của đa số cư dân sống trong làng. Nó chính là thành quả lao động chung của cả làng trong quá trình khai khẩn đất hoang chính vì thế nó là tài sản chung của cả làng. Mặc dù các triều đình phong kiến tìm mọi cách để sở hữu đất đai và sở hữu công của nhà nước đã làm thu hẹp sở hữu công của làng nhưng “đất công của làng xã không mất đi mà tồn tại song trùng cùng với sở hữu công của nhà nước” và nhà nước vẫn cho phép các làng quản lý phần đất mà làng cai quản [10, p.139]. Lúc này toàn bộ ruộng đất cày cấy cùng với rừng núi, sông ngòi, ao đầm trong phạm vi làng phần lớn đều thuộc quyền sở hữu của làng. Ruộng đất của làng được phân chia cho các gia đình thành viên sử dụng theo những tục lệ mang tính chất bình đẳng, dân chủ của cộng đồng làng và có thể là phân chia một lần rồi có kết hợp điều chỉnh khi cần thiết. Ngoài những ruộng đất phân chia cho các thành viên cày cấy, làng có thể giữ một phần ruộng đất để sản xuất chung nhằm sử dụng hoa lợi thu hoạch vào những chi phí công cộng. Công việc khai hoang, làm thủy lợi và các hình thức lao động công ích khác đều được tiến hành bằng lao động hiệp tác của các thành viên trong làng [11]. Chính điều này níu giữ các thành viên trong làng, buộc cư dân nông nghiệp gắn bó một cách chặt chẽ với làng. Nó chi phối nhiều hoạt động lao động sản xuất cũng như các quy tắc ứng xử và hoạt động văn hóa khác trong làng. Theo Nguyễn Quang Ngọc thì: “Làng Việt như thế là một loại hình của công xã Phương Đông, trong đó nông nghiệp gắn liền với thủ công nghiệp, làng xóm gắn liền với ruộng đất, nên tự nó mang tính ổn định cao” [12]. Đó cũng chính là cơ sở bền chặt để nuôi dưỡng và củng cố tính tự quản làng xã.

Để duy trì và tồn tại mỗi làng đều có cách thức riêng để quản lý các thành viên của mình. Có thể nói mỗi cá nhân trong cộng đồng làng xã Việt Nam đều được sinh thành, lớn lên hay chỉ ít cũng cùng sinh hoạt trong một nhóm xã hội nhất định. Họ là thành viên của cộng đồng. Họ là con

của gia đình, của dòng họ, là thành viên của nhóm nào đó trong làng xã [7, p.207]. Các thành viên trong làng không chỉ liên hệ với nhau với tư cách cá nhân mà họ liên hệ với nhau thông qua các tổ chức: Gia đình, dòng họ, các phe, giáp,... Và trên thực tế các làng vùng Bắc Bộ là sự quản trị của dòng họ, người dân trong làng đa phần có mối quan hệ họ hàng, quan hệ huyết thống với nhau. Dòng họ có vai trò to lớn đối với cuộc sống của mỗi cá nhân. “Nếu gia đình là đơn vị xã hội để tiến hành tái sản xuất đời sống con người và góp phần tái sản xuất đời sống xã hội thì dòng họ người Việt ở Đàng bằg Bắc Bộ là một tổ chức xã hội” [13, p. 45]. Nó quy định vị trí và vai trò của mỗi cá nhân và các cá nhân là thành viên của dòng họ có thể xả thân vì danh dự, vì vị thế của cộng đồng huyết tộc này [7, p.270].

Không chỉ có dòng họ mà về tính cách Người nông dân làng xã Bắc Bộ rất thích hội họp thành phe, nhánh. Theo Pierre Gourou: “Nét đáng chú ý nhất trong đời sống xã hội của làng Bắc kỳ là xu hướng của người nông dân muốn họp thành phe nhóm. Ta đã thấy những tổ chức ở thôn, xóm, giáp. Nhưng còn những tổ chức khác nữa.” [14]. Truyền thống đó thâm nhập vào mọi hành vi cá nhân, ăn sâu trong tiềm thức của cộng đồng, đó chính là cách thức để làng xã quản lý thành viên của mình.

Ngoài việc quản lý các cá nhân thông qua các tổ chức, phe, nhóm thì hương ước ra đời đáp ứng nhu cầu tự quản làng xã. Hương ước chính là lệ làng được văn bản hóa, là phương tiện hữu hiệu để điều chỉnh các hoạt động của làng xã, đó là công cụ bổ sung quan trọng cho luật nước. Nó điều chỉnh tất cả các vấn đề cụ thể như: chia ruộng đất công, lão quyền, nam quyền, phụ quyền, trưởng quyền, an ninh làng xã, đời sống tâm linh của cộng đồng [15]. Đó chính là những quy định cụ thể, gần gũi, dễ hiểu, dễ thực hiện cho mọi thành viên trong làng. Hương ước nhằm điều chỉnh công việc chung của làng trong các mối quan hệ cụ thể, nó phản ánh nhu cầu tự tổ chức đời sống làng xã.

Mặc dù đó là những quy định chung của làng xã nhưng hương ước có hiệu lực điều chỉnh khá cao đối với các thành viên trong cộng đồng, nó được chính tầng lớp nho sĩ trong làng soạn thảo.

Quy định của hương ước phù hợp với đặc điểm về phong tục, tập quán, lối sống và tâm lý của người dân địa phương. Nó đơn giản hóa các quy định của luật nước làm cho luật nước trở lên gần gũi, dễ hiểu. Nó biến những quy định cứng nhắc thành cái uyển chuyển, linh động và biến hóa trong lối hành xử của cộng đồng. Hương ước ra đời phản ánh lợi ích, ý chí nguyện vọng của cộng đồng làng xã, những quy định này chi phối mạnh mẽ những quy định của luật nước, phản ánh nhu cầu tự quản của cộng đồng.

3. Phát huy tinh thần tự quản làng xã của người Việt trong xây dựng mô hình quản lý phát triển bền vững dựa vào cộng đồng giai đoạn hiện nay

Cộng đồng là thuật ngữ dùng để chỉ nhóm người sống trong phạm vi thôn, bản, các xã, phường của khu vực nông thôn và thành thị. Các thành viên trong cộng đồng có những điểm giống nhau bởi họ có chung các mối quan hệ nhất định và cùng chịu ảnh hưởng bởi một số yếu tố tác động [16, tr.14]. Cộng đồng là nhóm chủ thể đóng vai trò quan trọng trong mọi hoạt động tại địa phương, các thành viên trong cộng đồng là người chủ động, tích cực và có quyền quyết định các vấn đề liên quan đến cuộc sống của họ. Mô hình quản lý dựa vào cộng đồng là mô hình tốt giúp thúc đẩy cộng đồng dân cư chia sẻ trách nhiệm với Nhà nước trong quản lý các vấn đề xã hội. Đây là mô hình quản lý hữu hiệu bởi những thành viên trong cộng đồng là người hiểu rõ nhất về khu vực sinh sống của họ, họ cũng là người hiểu rõ nhất các khó khăn, thách thức và mong muốn của mình; đồng thời hiểu được tiềm năng và lợi thế trong việc huy động và gắn kết các thành viên trong cộng đồng lại với nhau [16, tr.15]. Theo đó mô hình quản lý dựa vào cộng đồng giúp người dân tham gia vào quá trình hoạch định và thực thi chính sách liên quan đến tất cả các vấn đề xung quanh cuộc sống của họ. Đây là mô hình quản lý được Đảng và nhà nước ta đẩy mạnh triển khai trong những năm qua.

Tuy nhiên trên thực tế việc triển khai mô hình quản lý phát triển bền vững dựa vào cộng

đồng ở nước ta những năm qua còn nhiều hạn chế do vai trò của cộng đồng còn rất ít hoặc còn mờ nhạt. Nhiều người cho rằng các hoạt động quản lý phát triển bền vững là trách nhiệm riêng của các cơ quan công quyền, đó là trách nhiệm của những người đứng bên ngoài cộng đồng. Chủ thể đích thực là những người dân trong cộng đồng thiếu chủ động tham gia vào quá trình hoạch định và thực thi chương trình, chính sách phát triển bền vững tại địa phương. Các địa phương trông chờ vào nguồn lực và phương pháp tổ chức từ trên xuống hay từ tổ chức bên ngoài. Do vậy, để thực hiện mục tiêu phát triển bền vững cần tăng cường sự tham gia của người dân địa phương trong tất cả các hoạt động từ khâu hoạch định đến khâu triển khai và giám sát đánh giá chính sách. Vậy làm sao để có thể phát huy tính chủ động, sáng tạo và trách nhiệm của người dân. Chúng ta biết rằng mô hình tự quản cộng đồng thực chất là một dạng thức quản lý xã hội có vai trò hỗ trợ và bổ xung cho hình thức quản lý nhà nước. Nghiên cứu mô hình tự quản làng xã Việt Nam truyền thống chỉ cho chúng ta thấy rằng một trong các cách thức hữu hiệu để gắn kết các thành viên trong cộng đồng là việc: Xây dựng mối liên hệ giữa các thành viên của cộng đồng thông qua các nhóm, các tổ chức xã hội. Ở nước ta, trong nhiều năm qua Đảng và Nhà nước đã và đang tiến hành cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”. Cuộc vận động này đã xây dựng được nhiều tổ chức cộng đồng tự quản như: Tổ thanh tra nhân dân tự nguyện; hội khuyến học, khuyến tài; Tổ hòa giải; Hội liên gia; Tổ phụ nữ giúp nhau làm kinh tế; Ban an ninh khu dân cư; Ban kiến thiết xây dựng khu dân cư; Hội những người không sinh con thứ ba; Tổ tự quản về vệ sinh môi trường,...[17]. Ở khu vực nông thôn hiện nay bên cạnh các tổ chức xã hội như: Hội Thanh niên, Hội Phụ Nữ; Hội nông dân tập thể; Hội người cao tuổi; Hội Cựu chiến binh thì người dân còn lập ra nhiều hội khác như: hội sinh vật cảnh; hội xóm... Các hội này được thành lập không chỉ để giúp nhau làm kinh tế mà còn để các thành viên trong cộng đồng giúp nhau khi gia đình nào đó có công việc lớn cần sự trợ giúp của nhiều người, hay tự tổ chức để giải quyết các công việc chung

của xóm ngõ. Đây chính là hình thức tốt để các cá nhân trong cộng đồng gắn kết với nhau đồng thời là một hình thức để cộng đồng tự giải quyết các công việc của mình một cách hiệu quả. Trong khi nhiều tổ chức xã hội hoạt động rất hiệu quả nhiều tổ chức chính trị xã hội do nhà nước thiết lập lại hoạt động thiếu hiệu quả. Nguyên nhân là do các tổ chức này về cơ bản đã trở thành các tổ chức “quan phương hóa”. Các tổ chức tổ chức chính trị - xã hội ở nước ta hầu hết đều được nhà nước hoặc là tổ chức hoặc là hỗ trợ trên tất cả các phương diện hoạt động, do vậy về hình thức tổ chức, cách thức hoạt động tùy ở mức độ khác nhau nhưng đều mang tính nhà nước [15]. Nghĩa là nó bị “hành chính hóa”. Nhưng hoạt động của các tổ chức này thì kém hiệu quả do nó chưa thực sự trở thành tổ chức của cộng đồng. Trong khi các tổ chức “phi quan phương hóa”, các tổ chức do người dân tự lập ra xuất phát từ nhu cầu và nguyện vọng của người dân nhằm giải quyết các công việc cụ thể của họ trong đời sống hàng ngày lại tỏ ra có hiệu quả trong lĩnh vực gắn kết cộng đồng, xây dựng tình đoàn kết tương thân, tương ái giữa các cá nhân, gia đình trong cùng khu vực sinh sống. Do vậy, trong thời gian tới chúng ta cần khuyến khích để các tổ chức, hội nhóm “phi quan phương” này tiếp tục được thành lập, phát triển với nhiều việc làm thiết thực hơn nữa để gắn kết, quản lý các thành viên trong cộng đồng cần tránh xu hướng “quan phương hóa” các tổ chức, hội nhóm của cộng đồng mà cần biến các tổ chức, hội nhóm này thành công cụ tự quản của các cộng đồng thông qua việc “phi quan phương hóa”. Theo đó thông qua các tổ chức tự nguyện để xây dựng nhận thức, niềm tin và định hướng giá trị chung nhằm tạo ra sự đồng thuận trong các cộng đồng. Tạo lập những hoạt động thu hút sự tham gia của các thành viên trong cộng đồng tạo môi trường để các thành viên trong cộng đồng giao lưu và gắn kết với nhau. Điều này sẽ góp phần xây dựng, phát triển tính cấu kết cộng đồng. Đây sẽ là một hình thức tốt để khắc phục tình trạng phân ly mà các cộng đồng trong xã hội hiện đại đang phải đối mặt.

Bên cạnh việc xây dựng, phát triển các tổ chức, hội, nhóm thì việc xây dựng các quy định chung cho các khu dân cư hay việc khôi phục các

huong ước của làng xã là một cách thức tốt để phát huy tính tự quản trong cộng đồng. Đối với làng xã Việt Nam truyền thống thì Hương ước là phương tiện hữu hiệu để điều chỉnh các hoạt động của làng xã, đó là công cụ bổ sung quan trọng cho luật nước điều chỉnh tất cả các vấn đề cụ thể trong làng xã. Các triều đình phong kiến Việt Nam trong lịch sử đã luôn đưa các quy định của luật nước vào lệ làng. Người Pháp sau này khi xâm lược Việt Nam đã khôn khéo đưa luật pháp của nhà nước bảo hộ vào lệ làng, lệ làng hoá phép nước, khuôn tất cả các hương ước vào một khuôn mẫu chung có lợi cho thực dân Pháp và buộc các làng phải nghiêm luật thực hiện [12]. Có thể nói rằng hương ước, lệ làng là mạch ngầm ẩn dưới tầng sâu văn hóa dân tộc. Do đó, phát huy các giá trị tốt đẹp của hương ước là cách thức để các cộng đồng quản lý các công việc chung của cộng đồng trong các mối quan hệ xã hội cụ thể. Việc xây dựng các quy định chung cho cộng đồng hay xây dựng các hương ước tại các làng quê giúp cộng đồng: tổ chức, quản lý các mặt của đời sống cộng đồng; duy trì trật tự, kỷ cương; tạo môi trường ổn định và an toàn cho cuộc sống của các thành viên trong cộng đồng. Nó nuôi dưỡng ý thức cộng đồng, tạo ra tính gắn kết xã hội; tăng cường sự đoàn kết tương thân, tương ái giữa các thành viên của cộng đồng. Qua đó duy trì, phát triển văn hóa cộng đồng, tạo dựng phát huy tinh thần dân chủ trong cộng đồng.

Những năm qua nước ta đã xây dựng được hệ thống pháp luật tương đối hoàn thiện giúp nhà nước điều chỉnh quan hệ và hoạt động của các nhóm chủ thể phục vụ mục tiêu phát triển bền vững. Tuy nhiên, nhiều quy định trong luật pháp và chính sách chỉ dừng lại ở mức là những quy định chung được phổ biến cho tổ chức và cá nhân, nó vẫn chưa thực sự đi vào đời sống của người dân, do đó những quy định này chưa trở thành một nếp sống, cách làm của người dân ở các làng quê hay các cụm dân cư. Để khắc phục tình trạng này chúng ta cần biến các quy định trong luật pháp và chính sách thành các quy định trong hương ước hay trong quy định chung của tổ dân phố để nó tồn tại như một quy định chung do người dân trong cộng đồng tạo nên, cùng chia sẻ và tuân theo dưới hình thức của tự quản cộng

đồng. Xu hướng này trong nhiều năm qua đã được nhiều địa phương áp dụng. Tuy nhiên trong quá trình xúng dưng các quy định cho khu dân cư hay tái lập hương ước cho làng xã nhiều nơi rơi vào xu hướng tái lập những hủ tục lạc hậu, những quy định trái với pháp luật của nhà nước đồng thời nó bị hành chính hóa trở thành quy định xa lạ với mọi người dân trong cộng đồng. Chúng ta cần nhớ rằng hương ước mặc dù có nhiều giá trị tích cực nhưng nó chứa đựng không ít các quy tắc mang tính tiêu cực thể hiện tư tưởng cục bộ, bè phái trên cơ sở tâm lý làng với kiểu tư duy “ăn cây nào rào cây ấy” “ở đình nào chửi đình ấy”. Theo đó muốn việc triển khai quy định của nhà nước trở thành nguyên tắc chuẩn mực của cộng đồng cần tránh khuynh hướng tái lập những hủ tục những quy định trái pháp luật đồng thời phải gắn các quy định này vào trong những tổ chức, những nhóm hội nhất định để các tổ chức, nhóm hội có thể thôi dỗi việc duy trì, thực hiện các quy định của các thành viên và có biện pháp cụ thể để xử lý các hành vi vi phạm nếu có. Sở dĩ các hương ước của làng xã trong lịch sử có thể tồn tại và có chức năng kiểm soát chặt chẽ đối với thành viên của làng là bởi trong làng xã truyền thống bên cạnh tổ chức hành chính của chính quyền nhà nước trung ương thì còn có hội đồng kỳ mục - cơ quan tự quản làng xã, chính hội đồng này là nơi tổ chức điều hành thực thi hương ước. Do đó, hương ước có chức năng kiểm soát chặt chẽ với các thành viên trong làng. Các làng hay các cụm dân cư hiện nay đã mai một đi rất nhiều yếu tố của làng xã truyền thống, tổ chức trước đây có vai trò điều hành quản lý các công việc trong làng hiện nay không còn nữa do vậy nếu các hương ước và quy định dù có được lập ra mà thiếu người giám sát, thực thi thì nó cũng chỉ là những quy định chết cứng.

4. Kết luận

Làng xã Việt Nam trong lịch sử nơi sinh sống của các gia đình, dòng họ với phong tục, tập quán, tín ngưỡng riêng, bản thân nó là một cộng đồng tự quản nơi gắn kết, níu giữ và che chở cho các thành viên của làng. Làng ngày nay trải qua biết bao thăng trầm của lịch sử đã bị mai

một đi rất nhiều những đặc trưng của làng truyền thống. Các cộng đồng, cụm dân cư ở đô thị được hình thành trong quá trình đô thị hóa theo quy trình tích tụ dân cư do đó mà thiếu cơ sở cho sự gắn kết cộng đồng. Tuy nhiên, nếu chúng ta biết phát huy các giá trị tích cực của làng xã Việt Nam trong lịch sử để xây dựng các hội nhóm, tổ chức tự quản cộng đồng với những quy định thiết thực, phù hợp với đặc điểm văn hóa, tín ngưỡng và tâm lý, lối sống của đa số người dân thì chúng ta vẫn xây dựng được những cộng đồng dân cư với sự gắn kết bền chặt các thành viên trong cộng đồng. Đó chính là cách thức xây dựng các cộng đồng tự quản, một mô hình quản lý hiệu quả giúp chúng ta thực hiện mục tiêu phát triển bền vững.

Lời cảm ơn

Bài báo dựa vào kết quả nghiên cứu đề tài Cấp Bộ 2020: “Quản lý phát triển xã hội bền vững ở Việt Nam trong điều kiện mới”, Học viện CTQG Hồ Chí Minh là cơ quan chủ trì.

Tài liệu tham khảo

- [1] Phạm Thị Thanh Bình, What are the criteria for sustainable development? (in Vietnamese), VNCP, 2018, <https://vncpc.org/phat-trien-ben-vung-co-nhu%CC%83ng-tieu-chi-gi/> (accessed 10 April 2020)
- [2] Sustainable development: definition, background, issues and objectives definition, <https://www.legrandgroup.com/en/sustainable-development-description> (accessed 12 April 2020)
- [3] Liliana Nitu, A management system for sustainable development – a new challenge, http://www.eoq.org/fileadmin/user_upload/Documents/Congress_proceedings/Croatia_May_2009/Proceedings/Nitu.pdf (accessed 12 April 2020)
- [4] Danh Đức, Elinor Ostrom contributed to clear Kim Ngoc, (in Vietnamese), Tuổi Trẻ Online, 2009, <https://tuoitre.vn/elinor-ostrom-gop-tay-giai-oan-cho-kim-ngoc-342721.htm> (accessed 12 April 2020)
- [5] Thang Van Phuc, The role of social organizations in social development and social development management in Vietnam in terms of developing a market economy and building a law-governed

- social state - theoretical and practical basis (in Vietnamese), State scientific topics, 2010, pp.16.
- [6] Vu Cong Giao, Good governance-theoretical and practical (in Vietnamese), National Political Publishing House, 2017, pp.8-9.
- [7] Tong Van Chung, Rural sociology, (in Vietnamese), National University, Ha Noi, 2001.
- [8] Huyen Thi Thu Trang, Autonomy of Vietnamese villages in history, (in Vietnamese), <http://www.khafa.org.vn/privateres/image/03nam2013/12.7.2013/tinhutricualangxaVN.doc> (accessed 18 March 2015)
- [9] Dao Duy Anh, Vietnamese cultural history (in Vietnamese), Culture - Information Publishing House, 2000.
- [10] Nguyen Minh Tuan, Feudal government organization in Vietnam (in Vietnamese), Judicial Publishing House, 2006.
- [11] Nguyen Quang Ngoc, State - village relations: Historical process and lessons, (in Vietnamese), <http://khoalichsu.edu.vn/bai-nghien-cu/383-quan-h-nha-nc-lang-xa-qua-trinh-lch-s-va-bai-hc-kinh-nghim-gsts-nguyn-quang-ngc.html> (accessed 15 May 2015)
- [12] Nguyen Quang Ngoc, State - village relations: Historical process and lessons, (in Vietnamese), <http://khoalichsu.edu.vn/bai-nghien-cu/383-quan-h-nha-nc-lang-xa-qua-trinh-lch-s-va-bai-hc-kinh-nghim-gsts-nguyn-quang-ngc.html> (accessed 15 May 2015)
- [13] Phan Dai Doan, A few issues about Vietnamese village culture in history (in Vietnamese), National Political Publishing House, Ha Noi, 2004, pp.45.
- [14] Nguyen Duc Loc, Social profiles, northern Catholic community of migrants in the South, from community size to individual size (in Vietnamese), National University, Ho Chi Minh City, 2013, p.62.
- [15] Le Minh Thong, National law and village convention in the legal life of Vietnamese village communities (in Vietnamese), http://www.hids.hochiminhcity.gov.vn/c/document_library/get_file?uuid=54a7c131-9618-4afa-bbd7-a543587d0a56&groupId=13025 (accessed 15 May 2020)
- [16] Le Van An, Manual for community development, (in Vietnamese), Thanh nien Publishing House, 2016.
- [17] Nguyen Ba Duong, The autonomous community and its role in the activities of the residential areas in Vietnam (in Vietnamese), Journal of Psychology, 6/2006, pp.31-35.